

Bản án số: 811/2024/HC-PT

Ngày 31 - 7 - 2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Mai Xuân Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: MERGEFIELD Số_thụ_lý 359/2024/TLPT-HC ngày 10 tháng 4 năm 202 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2024/HC-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1974/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Hứa Đ, sinh năm 1956; Địa chỉ: 1 V, phường H, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bà Nguyễn Ánh N, sinh năm 1958; Địa chỉ: A P, phường B, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1982; Địa chỉ: 4, D, phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- Ông Bùi Đức M, sinh năm 1952; Địa chỉ: 2 H, phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là “UBND”) Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: A, đường C, phường A, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thanh T; Chức vụ: Chủ tịch U (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Bùi Trọng S; Chức vụ: Trưởng ban B (có mặt);

- Ông Nguyễn Vĩnh N1; Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Quận F (có mặt);

- Ông Trần Hải Đ1; Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tư pháp Quận 6 (có mặt).

3. Chủ tịch UBND Thành phố H; Địa chỉ: H, đường L, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Trọng S; Chức vụ: Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận F (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện Hứa Đ và Nguyễn Ánh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2022, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 24 tháng 12 năm 2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23 tháng 9 năm 2023, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện - ông Hứa Đ, bà Nguyễn Ánh N có ông Nguyễn Hoàng L đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Nhà và đất tại số A P, phường B, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 do ông Hứa Đ và bà Nguyễn Ánh N đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH15151 (số phát hành BK 511702) do U cấp ngày 20 tháng 02 năm 2013.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, U ban hành Quyết định số 7837/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Ánh N, ông Hứa Đ để thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án cải tạo kênh H (giai đoạn 2) tại phường A và phường B, quận F (sau đây gọi tắt là “*Quyết định 7837*”).

Ngày 06 tháng 01 năm 2018, U ban hành Quyết định số 135/QĐ-UBND-BBT về bồi thường, hỗ trợ cho ông Hứa Đ, bà Nguyễn Ánh N (sau đây gọi tắt là “*Quyết định 135*”) do thu hồi toàn bộ mặt bằng số A đường P, phường B, quận F theo phương thức tái định cư (tự lo nơi ở mới) với số tiền 1.012.813.610 đồng (một tỷ không trăm mười hai triệu tám trăm mười ba ngàn sáu trăm mười đồng), trong đó bồi thường, hỗ trợ về đất số tiền 918.850.944 đồng (chín trăm mười tám triệu tám trăm năm mươi ngàn chín trăm bốn mươi bốn đồng). Không đồng ý với đơn giá bồi thường, ông Đ, bà N đã có đơn khiếu nại.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 5173/QĐ-UBND-TTr giải quyết khiếu nại của ông Hứa Đ, bà Nguyễn Ánh N (sau đây gọi tắt là “*Quyết định 5173*”) với nội dung không chấp nhận khiếu nại; ông Đ, bà N tiếp tục khiếu nại. Ngày 12 tháng 3 năm 2019, Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 922/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là “*Quyết định 922*”) với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Hứa Đ, bà Nguyễn Ánh N, giữ nguyên Quyết định 5173.

Bà N và một số hộ dân khác khiếu nại đối với dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng kênh H.

Ngày 21 tháng 3 năm 2020, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 1207/QĐ-UBND-TTr về việc giải quyết khiếu nại của một số hộ dân cư trú tại phường A, phường B, quận F (theo danh sách đính kèm) liên quan đến việc thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng đoạn kênh H từ đường M đến kênh V (lần đầu) với nội dung không chấp nhận toàn bộ nội dung khiếu nại.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, UBND Quận 6 ban hành Quyết định số 2845/QĐ-UBND-BBT về bổ sung chi phí hỗ trợ tự lo nơi ở mới (sau đây gọi tắt là “*Quyết định 2845*”) do thu hồi toàn bộ mặt bằng số A đường P, phường B, quận F với số tiền 45.942.547 đồng.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 3377/QĐ-CC về việc cưỡng chế thu hồi nhà đất của ông Hứa Đ, bà Nguyễn Ánh N tại số A P, phường B, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “*Quyết định 3377*”).

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 5628/QĐ-UBND -TTr về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 1207/QĐ-UBND-TTr ngày 21 tháng 03 năm 2020 của Chủ tịch U với lý do hình thức giải quyết đơn không đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 1418/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung một phần nội dung Quyết định 3377 (sau đây gọi tắt là “*Quyết định 1418*”). Theo đó, điều chỉnh, bổ sung thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tại Điều 1 Quyết định 3377 từ ngày 09 tháng 5 năm 2022 đến ngày 09 tháng 5 năm 2024.

Ông Đ, bà N khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định 7837, 135, 2845, 5173, 922, 3377 và 1418, với lý do: Vị trí nhà đất của ông Hứa Đ, bà Nguyễn Ánh N thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23 không thuộc phần diện tích đất phải thu hồi để thực hiện dự án cải tạo kênh H (giai đoạn 2).

**** Người bị kiện - U và Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh có người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Minh H có văn bản ý kiến số 3890/UBND-BBT ngày 12 tháng 9 năm 2023 và 5478/UBND-BBT ngày 08 tháng 12 năm 2023, nội dung như sau:***

Ngày 29 tháng 10 năm 2015, Sở G ban hành Quyết định số 5002/QĐ-SGTVT về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đoạn kênh H đường M đến kênh V (bao gồm nạo vét kênh, xây dựng bờ kè và mảng xanh dọc 02 bên bờ kênh).

Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án cải tạo kênh H (giai đoạn B), phường A, phường B, quận F đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2015, đồng thời thuộc Danh mục công trình dự án cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua tại Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016.

Ngày 09 năm 12 năm 2020, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 85/NQ-HĐND chấp thuận thông qua Danh mục các dự án điều chỉnh tên, diện tích thu hồi đất (trong đó có dự án bồi thường giải phóng mặt bằng kênh H (giai đoạn 2) điều chỉnh diện tích dự án từ 1,57ha lên thành 2,05ha).

Dự án được đăng ký thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 và được phê duyệt tại Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2016 của UBND Thành phố về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của quận F và chuyển tiếp thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm đến nay. Ranh giới dự án được bao trọn bởi 04 con đường là Ngô Nhân T1, Phan Văn K, Bãi S1 và Phạm Đình H1. Thửa số 28, tờ bản đồ số 23 (BĐĐC-2001), địa chỉ A P, phường B, quận F của gia đình ông Đ, bà N thuộc trường hợp thu hồi toàn bộ để thực hiện dự án.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, U đã ban hành Quyết định 7837, thu hồi đất của ông/bà Hứa Đệ, Nguyễn Ánh N thuộc thửa số 28, tờ bản đồ số 23 (BĐĐC-2001) với diện tích 12,84m² tại địa chỉ A P, phường B, quận F để thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án cải tạo kênh H (giai đoạn 2) tại phường A, 2, quận F. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Bản đồ hiện trạng – vị trí số 14/HĐĐĐ/VL do Công ty TNHH X lập ngày 10 tháng 11 năm 2017, được Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng xác nhận ngày 14 tháng 11 năm 2017.

Ngày 06 tháng 01 năm 2018, U đã ban hành Quyết định 135 với đối tượng bồi thường, hỗ trợ cho ông/bà Hứa Đ, Nguyễn Ánh N với số tiền là 1.012.813.610 đồng.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, U ban hành Quyết định 2845, bổ sung chi phí hỗ trợ tự lo nơi ở mới cho ông/bà Hứa Đ, Nguyễn Ánh N với số tiền 45.942.547 đồng.

Do ông/bà Hứa Đ, Nguyễn Ánh N không đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nên Hội đồng Bồi thường dự án đã gửi số tiền bồi thường, hỗ trợ vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc Nhà nước Q vào ngày 16 tháng 7 năm 2018 và ngày 18 tháng 01 năm 2022 (Thông báo số 364/TB-HĐBT-BBT ngày 27 tháng 7 năm 2018 và 445/TB-HĐBT-BBT ngày 17 tháng 6 năm 2022).

Do ông Đ, bà N không đồng ý giao mặt bằng, ngày 09 tháng 5 năm 2022, Chủ tịch U ban hành Quyết định 3377 về việc cưỡng chế thu hồi đất. Tuy nhiên, do cần tiếp tục vận động, thuyết phục ông/bà Hứa Đệ, Nguyễn Ánh N thực hiện cưỡng chế theo Quyết định 3377 nên Chủ tịch U đã ban hành Quyết định 1418 về

điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất (từ ngày 09 tháng 5 năm 2022 đến ngày 09 tháng 5 năm 2024). Đến nay, ông/bà Hứa Đ, Nguyễn Ánh N vẫn không đồng ý việc thu hồi đất và chưa bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định 5173, thực hiện Quyết định số 6316/QĐ-UBND của UBND Thành phố, UBND Quận 6 ban hành Quyết định số 7791/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 về phê duyệt phương án số 3942/PABT-HĐBT ngày 27 tháng 12 năm 2017 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng kênh H (giai đoạn 2) trên địa bàn quận F. Theo đó, đơn giá bồi thường đất ở tại vị trí A, đường P là: $21.400.000 \text{ đồng/m}^2 \times 3,344 = 71.561.600 \text{ đồng/m}^2$ là đúng quy định

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Chủ tịch U đã ban hành Quyết định 5173 về việc giải quyết khiếu nại của ông/bà Hứa Đ, Nguyễn Ánh N (lần đầu) với nội dung: Giữ nguyên nội dung Quyết định 135 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi toàn bộ mặt bằng số A đường P, phường B, quận F. U, Chủ tịch U đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

*** Người bị kiện - Chủ tịch UBND Thành phố H tại văn bản số 74/UBND-NCPC ngày 05 tháng 01 năm 2024 có ý kiến như sau:**

Không đồng ý việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch U, ông/bà H, Nguyễn Ánh N khiếu nại đến Chủ tịch UBND Thành phố H.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định 922 về việc giải quyết khiếu nại của ông/bà Hứa Đ, Nguyễn Ánh N, quận F (lần hai), theo đó: *Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định 5173* và đã được tổng đạt trực tiếp cho ông Hứa Đ.

*** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2024/HC-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:**

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điều 143, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 66, Điều 67, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Đ và bà Nguyễn Ánh N về việc yêu cầu hủy các Quyết định 7837, 135, 2845, 5173, 922, 3377 và 1418.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 01 tháng 02 năm 2024, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm với yêu cầu hủy các quyết định của U, Chủ tịch UBND Quận 6 và Chủ tịch UBND Thành phố H.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - Ông Nguyễn Hoàng L, trình bày: Yêu cầu kháng cáo của ông Hứa Đ và bà Ánh N là có cơ sở. Thứ nhất, liên quan đến việc thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của U và việc giải quyết đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của ông Đ và bà N, mặc dù Quyết định cưỡng chế số 3377/QĐ-CC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch U về việc cưỡng chế thu hồi nhà đất của ông bà bị khởi kiện, bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực thi hành, nhưng U đã ban hành Thông báo số 61/TB-UBND về việc tổ chức thi hành cưỡng chế nhà đất của ông Đ, bà N. Đối với việc giải quyết đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ông Đ và bà N đã có đơn đề nghị và đơn khiếu nại gửi cho Tòa án nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết. Thứ hai, về nhận định của bản án sơ thẩm:

1. Bản án cho rằng Bản vẽ được Công ty X đóng dấu duyệt ngày 10 tháng 11 năm 2017 nhưng quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất đã được ban hành ngày 08 tháng 4 năm 2017. Bản vẽ được đóng dấu sau khi ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 2017 và là cơ sở để thu hồi đất là không phù hợp.

2. Để thu hồi đất thì dự án phải có phê duyệt bằng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, đối với dự án này, Hội đồng nhân dân phê duyệt bằng nhiều Nghị quyết, bao gồm: Nghị quyết 08, Nghị quyết 20, Nghị quyết 122, Nghị quyết 85. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét Nghị quyết số 20, Nghị quyết không có thửa đất của ông/bà Hứa Đ, Ánh N. Năm 2017, UBND cho rằng căn cứ vào Nghị quyết 122 để thu hồi đất, tuy nhiên, Nghị quyết này chỉ nói về việc thu hồi diện tích các thửa từ 23, không có cơ sở cho rằng thửa từ 23 là toàn bộ các thửa đất thuộc từ 23, trong đó có đất của ông Đ, bà N.

3. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định diện tích bản vẽ, quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất, các nghị quyết của Hội đồng nhân dân năm 2014, 2017 có sự trùng khớp, là không đúng. Bởi lẽ, khi so sánh, đối chiếu thì diện tích có nhiều chênh lệch, tại Nghị quyết 20 và Nghị quyết 122 chỉ chấp nhận thu hồi 1,57 ha, nhưng đến năm 2020 thì Hội đồng nhân dân mới ban hành Nghị quyết 85 về việc thống nhất, chấp nhận ranh giới thu hồi đất theo bản đồ năm 2017 của U với diện tích 2,05 ha. Ngoài ra, trong tài liệu, chứng cứ không có Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích khu đất thu hồi để thực hiện dự án (đã có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện) và trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (đã có khi lập hồ sơ trình ban hành thông báo thu hồi đất) theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT của Bộ T2 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - Ông Bùi Đức M trình bày bổ sung: Người khởi kiện đã đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời gửi cho Tòa án nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết, mặc dù việc cưỡng chế thu hồi đất đã được thực hiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

(Người khởi kiện có kháng cáo đồng ý với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền, không trình bày gì thêm).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị kiện trình bày: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở nội dung án sơ thẩm, đồng ý với bản án sơ thẩm. Việc thực hiện cưỡng chế thu hồi đất được thi hành theo đúng quy định pháp luật và chỉ dừng lại khi có văn bản yêu cầu của cơ quan chức năng. Vì vậy, không đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của ông Hứa Đ và bà Ánh N. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ; quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, không có căn cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông Hứa Đ và bà Nguyễn Ánh N, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của ông Hứa Đ và bà Nguyễn Ánh N còn trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện Tòa sơ thẩm xác định và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án ngày 10 tháng 4 năm 2024, ông Hứa Đ có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề ngày 02 tháng 4 năm 2024 vì cho rằng sau khi xét xử sơ thẩm, người bị kiện tiếp tục ra Thông báo số 61/TB-UBND đề ngày 29 tháng 3 năm 2024 thực hiện biện pháp cưỡng chế đối với ông/bà Hứa Đ, Nguyễn Ánh N. Thời gian thực hiện cưỡng chế lúc 14 giờ, ngày 08 tháng 4 năm 2024. Vì thế, khi Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thì thời gian thực hiện cưỡng chế đã xong nên không thể ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nên tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hứa Đ cùng người đại diện tiếp tục khiếu nại việc không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không có căn cứ xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về nội dung:

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định 7837, 135, 2845:

[4.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Thực hiện dự án cải tạo rạch H, ngày 23 tháng 12 năm 2014, UBND Thành phố H ban hành văn bản số 6860/UBND-ĐTMT về đầu tư và cải tạo rạch Hàng Bàng theo phương án kênh hở.

Ngày 29 tháng 10 năm 2015, Sở G ban hành Quyết định số 5002/QĐ-SGTVT về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đoạn kênh H đường M đến kênh V (bao gồm nạo vét kênh, xây dựng bờ kè và mảng xanh dọc hai bên bờ kênh).

Ngày 21 tháng 6 năm 2016, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 3169/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của quận F.

Ngày 09 tháng 12 năm 2016, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 122/NQ-HĐND về Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17 tháng 02 năm 2017, Sở Tài chính Thành phố H ban hành Quyết định số 1137/QĐ-STC-BVG về duyệt dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng kênh H (giai đoạn 2), quận F.

Ngày 08 tháng 4 năm 2017, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 1612/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của quận F.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 6316/QĐ-UBND về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ của dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng kênh H (giai đoạn 2) trên địa bàn quận F.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, U ban hành:

- Quyết định số 7791/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường số 3942/PABT-HĐBT ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng Bồi thường dự án giải phóng mặt bằng kênh H (giai đoạn 2), quận F;

- Quyết định số 7796/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường số 3948/PABT-HĐBT ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng Bồi thường dự án bồi thường giải phóng mặt bằng kênh H (giai đoạn 2), quận F.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 85/NQ-HĐND về Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, UBND Quận 6 ban hành Quyết định số 2493/QĐ-UBND về bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án bồi thường giải phóng mặt bằng kênh H (giai đoạn 2) tại phường A và phường B, quận F.

Ông Hứa Đ và bà Nguyễn Ánh N đã được mời tham gia họp thông báo triển khai dự án cải tạo hệ thống thoát nước lưu vực rạch H (giai đoạn 2) theo đúng quy định.

Do đó, U ban hành các Quyết định 7837, 135, 2845 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[4.2] Về nội dung:

Dự án cải tạo hệ thống thoát nước lưu vực rạch H (giai đoạn 2) theo Bản đồ hiện trạng - vị trí số 14/HĐĐĐ/VL do Công ty TNHH X lập ngày 06 tháng 10 năm 2014 thì ranh giới dự án được bao trọn bởi 04 tuyến đường là Ngô Nhân T1, Phan Văn K, B và Phạm Đình H1. Bản đồ hiện trạng - vị trí đã được Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận F xác nhận cùng ngày. Bản đồ này trùng khớp ranh giới, thống nhất vị trí, diện tích của Bản đồ hiện trạng - vị trí số 14/HĐĐĐ/VL do Công ty TNHH X lập ngày 10 tháng 11 năm 2017, được Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng xác nhận ngày 14 tháng 11 năm 2017 và được thông qua tại Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố H.

Theo đó, nhà đất của ông Hứa Đ và bà Nguyễn Ánh N có vị trí thuộc thửa số 28, tờ bản đồ số 23 (BĐĐC-2001) với diện tích 12,84m² tọa lạc tại địa chỉ A đường P, phường B, quận F - nằm hoàn toàn trong ranh dự án cải tạo hệ thống thoát nước lưu vực rạch H (giai đoạn 2). Do đó, việc người khởi kiện cho rằng bản đồ hiện trạng - vị trí của dự án chưa được xác nhận, không có tính pháp lý là không đúng.

Việc có khác biệt về diện tích tại Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 và Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố là do thể hiện giữa quy mô dự án. Theo đó, quy mô dự án theo Bản đồ hiện trạng - vị trí số 14/HĐĐĐ/VL do Công ty TNHH X lập ngày 06 tháng 10 năm 2014, được Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng xác nhận cùng ngày là 20.540,8m², nhưng diện tích thu hồi là 15.066,55m², phần diện tích còn lại là rạch, đường... Vậy nên, người khởi kiện cho rằng phần diện tích điều chỉnh tăng thêm của dự án không rõ ràng là không có căn cứ. Quyết định 7837 về thu hồi diện tích 12,84m² tại địa chỉ A đường P của ông Hứa Đ, bà Nguyễn Ánh N để thực hiện dự án cải tạo hệ thống thoát nước lưu vực rạch Hàng Bàng ban hành là đúng với dự án được Hội đồng nhân dân Thành phố H thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016. Vì vậy, không có cơ sở để xác định Quyết định 7837 được ban hành không đúng pháp luật như người khởi kiện trình bày.

Trên cơ sở Quyết định nêu trên, U căn cứ vào phương án số 3942/PABT-HĐBT và 3948/PABT-HĐBT ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng Bồi thường dự án bồi thường giải phóng mặt bằng kênh H (giai đoạn 2), Quận F để ban hành Quyết định 135, theo đó:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: 918.850.944 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc khác: 69.753.454 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, hoa màu: 0 đồng;
- Bồi thường tài sản khác: 3.209.212 đồng;
- Các khoản hỗ trợ khác: 6.000.000 đồng;

- Thương: 15.000.000 đồng;

Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ: 1.012.813.610 đồng;

Theo phương án số 3948/PATĐC-HĐBT ngày 27 tháng 12 năm 2017 thì có 02 phương thức bồi thường bao gồm: phương thức nhận tiền tự lo nơi ở mới và phương thức tái định cư (địa điểm tái định cư đối với các hộ bị ảnh hưởng của dự án là Chung cư B T, phường A, quận F). Ông Hứa Đ, bà Nguyễn Ánh N được chọn một căn hộ trong các căn hộ tái định cư từ tầng 02 đến tầng 21, không có hình thức tái định cư tại chỗ. Do đó, ngày 30 tháng 6 năm 2021, Ủy ban hành Quyết định 2845 về bổ sung chi phí hỗ trợ tự lo nơi ở mới do thu hồi toàn bộ mặt bằng số A đường P, phường B, quận F là đúng quy định của pháp luật.

Vì lý do trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà N về yêu cầu hủy các quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban đối với ông Đ, bà N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét tính hợp pháp của Quyết định 5173 và Quyết định 922:

[5.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Không đồng ý với các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của Ủy ban nên ông Đ, bà N khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban đã thực hiện việc thẩm tra, đối thoại; ngày 05 tháng 9 năm 2018 ban hành Quyết định 5173 về giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đ, bà N là đúng quy định tại Điều 17 Luật Khiếu nại năm 2011 và Điều 98 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Không đồng ý với Quyết định 5173 của Chủ tịch Ủy ban, ông Đ, bà N tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND Thành phố H. Chủ tịch UBND Thành phố thực hiện việc thẩm tra và ban hành Quyết định 922 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Đ, bà N là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 21 Luật Khiếu nại, Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

[5.2] Về nội dung:

Như nhận định nêu tại mục [4], việc UBND Quận 6 ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với ông Hứa Đ và bà Nguyễn Ánh N để thực hiện dự án cải tạo hệ thống thoát nước lưu vực rạch H (giai đoạn 2) là đúng quy định của pháp luật nên Quyết định 5173 có nội dung bác khiếu nại của ông Đ, bà N và Quyết định 922 có nội dung công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định 5173 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Quyết định 3377 và Quyết định 1418 được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

Về nội dung, ông Hứa Đ, bà Nguyễn Ánh N đã nhận được quyết định thu hồi đất, đã được vận động, thuyết phục nhưng vẫn không chấp hành quyết định thu hồi đất; nên để thực hiện dự án cải tạo hệ thống thoát nước lưu vực rạch Hàng Bàng (giai đoạn 2), Chủ tịch Ủy ban ban hành Quyết định 3377 về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định 1418 về việc điều chỉnh, bổ sung một phần nội dung của Quyết định 3377 là đúng quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; bác kháng cáo của ông Hứa Đ và bà Nguyễn Ánh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hứa Đ và bà Nguyễn Ánh N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điều 143, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206, khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 66, Điều 67, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo ông Hứa Đ và bà Nguyễn Ánh N; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2024/HC-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Đ và bà Nguyễn Ánh N về việc yêu cầu hủy các Quyết định:

- Quyết định số 7837/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 của U về việc thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án cải tạo kênh H (giai đoạn 2) tại phường A và phường B, quận F;

- Quyết định số 135/QĐ-UBND-BBT ngày 06 tháng 01 năm 2018 của U về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi toàn bộ mặt bằng số A đường P, phường B, quận F;

- Quyết định số 2845/QĐ-UBND-BBT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của U về bổ sung chi phí hỗ trợ tự lo nơi ở mới do thu hồi toàn bộ mặt bằng số A đường P, phường B, quận F;

- Quyết định số 5173/QĐ-UBND-TTr ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch U về việc giải quyết khiếu nại của ông/bà Hứa Đ, Nguyễn Ánh N (lần đầu);

- Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch UBND Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Hứa Đ và bà Nguyễn Ánh N, quận F (lần hai);

- Quyết định số 3377/QĐ-CC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch U về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch U về việc điều chỉnh, bổ sung một phần nội dung Quyết định số 3377/QĐ-CC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch U.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hứa Đ và bà Nguyễn Ánh N không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT (5), HS (2), 22b, (TK-PH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu